Tương Ưng Vacchagota (Vacchagotta Saṃyutta)

Kinh Tương Ưng Bộ (VNC PHVN, 2020)

33. TƯƠNG ƯNG VÁCCHAGOTTA (VACCHAGOTTASAMYUTTA)

I. KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI SẮC (Rupaannanasutt^ (S III. 257) 607. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anãthapindika. Rồi du sĩ ngoại đạo Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Vacchagotta bạch Thế Tôn: Do nhân gi, do duyên gì, này Tôn giả Gotama, một số [tà] kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường cbn", hay: "Thế giới là không thường cbn" hay: "Thế giới hữu biên,5? hay: "Thế giới vô biên" hay: "Sinh mạng và thân thể là mộf\ hay: "Sinh mạng và thân thể là khác"; hay: "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết", hay: "Nhu Lai không tồn tại sau khi chết"; hay: "Nhu Lai có tôn tại và không tôn tại sau khi chêf\ hay: "Nhu Lai không tôn tại và không không tồn tại sau khi chếf9? -Do vô tri đối với sắc5 này Vacchagotta, do vô tri đối với sắc tập khởi, do vô tri đôi với săc đoạn diệt, do vô tri đôi với con đường đưa đên săc đoạn diệt, cho nên có những [tà] kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn,5... hay: "Nhu Lai không tôn tại và không không tôn tại sau khi chết.^, Do nhân này, do duyên này, này Vacchagotta, có một sô [tà] kiên sai khác như thế này khởi lên ở đời: "Thế giới là thường còn,\.. hay: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." II. KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI THỌ (Vèdanãannãnasutta) (5. III. 258) 608. (Như kinh trên? chỉ thay thế bằng "v6 tri đối với thọ,9). III. KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI TƯỞNG (Sannãannãnasutta) (5. III. 258) 609. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "v6 tri đối với tưởng,^). IV. KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI HÀNH (Sankhãraannănasutta) (5. III. 259) 610. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "v6 tri đối với hành").1*

1 Tên kinh này và 4 kinh kế tiếp (608-611) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Through Ignorance, nghĩa là Do vô tri.

708 KINH TƯƠNG ƯNG Bộ IIL THIÊN UẨN

V KINH VÔ TRI ĐỐI VỚI THỨC(yìnnũnaannũnasutta) (S. III. 259) 611. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "v6 tri đối với thức"). VI-X. NHÓM 5 KINH VÈ VÔ KIẾN SẮC, VV... (Rũpaadassanãdisuttapancaka)2 (S IIL 260) 612- 616. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "v6 kiến đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức"). XI-XV NHÓM 5 KINH VÈ KHÔNG HIỆN QUÁN ĐỐI VỚI SẮC, vv... (Rũpaanabhisamayãdỉsuttapancaka)3 (S. IIL 260) 617-621. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng ÍẾkhông hiện quán năm uẩn: sắc? thọ5 tưởng, hành, thức"). XVI-XX. NHÓM 5 KINH VÈ KHÔNG LIỄU TRI ĐỐI VỚI SẮC, VV... (Rũpaananubodhãdisuttapancaka)4 (S III. 261) 622-626. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng ukhông liễu tri năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức"). XXI-XXV. NHÓM 5 KINH VÈ KHÔNG THÔNG ĐẠT ĐỐI VỚI SẮC, V.V... (Rũpaappa(ivedhãdisuttapancaka)5 (S III. 261) 627-631. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng ukhông thông đạt năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức"). XXVI-XXX. NHÓM 5 KINH VÈ KHÔNG ĐẢNG QUÁN ĐỐI VỚI SẮC, (Rũpaasaỉỉakkhanãdisuttapancaka)678(S. III. 261) 632-636. (Như kinh trên, chỉ thay thế

bằng ukhông đẳng quán năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức”). XXXI-XXXV. NHÓM 5 KINH VỀ KHÔNG TÙY QUÁN ĐỐI VỚI SẮC, VV... (Rũpaanupaỉakkhanãdisuttapancaka)1 (S. III. 261) 637-641. (Như kinh trên? chỉ thay thế bằng ukhông tùy quán năm uẩn: sắc, thọ5 tưởng, hành, thức”). XXXVI-XL. NHÓM 5 KINH VỀ KHÔNG CẬN QUÁN ĐỐI VỚI SẮC, v.v... {Rũpaappaccupalakkhanữdisuttapancakàỷ (S III. 261) 642-646. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng ukhông cận quán năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức").

2 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Seeing, nghĩa là Do vô kiến. 3 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Comprehending, nghĩa là Do không hiện quán. 4 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Understanding, nghĩa là Do không liễu trì. 5 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Penetrating, nghĩa là Do không thông đạt. 6 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Discerning, nghĩa là Do không đẳng quản. 7 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Discriminating, nghĩa là Do không tùy quản. 8 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Differentiating, nghĩa là Do không cận quản.

33. TƯƠNG ƯNG VACCHAGOTTA 709

XLI-XLV NHÓM 5 KINH VỀ KHÔNG ĐẢNG SÁT ĐỐI VỚI SẮC, VV... (Rũpaasamapekkhanãdìsuttapaiỉcakảỷ (S III. 261) 647-651. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng "không đẳng sát năm uẩn: sắc, thọ? tưởng, hành, thức”). XLVI-L. NHÓM 5 KINH VỀ KHÔNG CẬN SÁT ĐỐI VỚI SẮC5 VV... (Rũpaappaccupekkhanãdisuttapancakdý^ (S. III. 262) 652-656. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng ukhông cận sát năm uẩn: sắc, thọ5 tưởng, hành, thức”). LI-LIV. NHÓM 4 KINH VỀ KHÔNG HIỆN KIẾN ĐỐI VỚI SẮC, VV... (Rũpaappaccakkhakammãdisuttacatukka)9 11 (S. III. 262) 10 657-660. (Như kinh trên, chỉ thay thế bằng 6íkhông hiện kiến năm uẩn: sắc9 thọ? tưởng, hành95). LV. KINH KHÔNG HIỆN KIẾN ĐỐI VỚI THỨC (Vinnanaappaccakkhakammasutta) (S.IIL 263) 661. Nhân duyên ở Sãvatthi. —Do không tự tri đối với thức5 này Vaccha, do không tự tri đối với thức tập khởi, do không tự tri đối với thức đoạn diet, do không tự tri đối với con đường đưa đến thức đoạn diệt, cho nên có những [tà] kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: “Thế giới là thường còn9\ hay: "Thế giới là khônẹ thường cbn”...hay: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi ch*t." Do nhân này, do duyên này5 này Vaccha, có một số [tà] kiến sai khác như thế này khởi lên ở đời: “Thế giới là thường còn^ hay: "Thế giới là không thường cbn” hay: "Thế giới hữu biên,5? hay: "Thế giói vô biên” hay: “Sinh mạng và thân thể là mộf\ hay: “Sinh mạng và thân thể là khc"; hay: "Nhu Lai CÓ tôn tại sau khi chêf\ hay: "Nhu Lai không tôn tại sau khi chêt,\ hay: "Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết”, hay: "Nhu Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết."

9 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Considering, nghĩa là Do không đẳng sảt. 10 Bản tiếng Anh của PTS: By Not Looking into, nghĩa là Do không cận sát. 11 Tên nhóm kinh này và nhóm kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: Not Making Clear, nghĩa là Không hiện kiên.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.